

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 28.1 KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ. VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 28.1

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 28.1

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 38940914 Fax: (84.8) 38941668

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Số 3, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601

TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Số 3, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 06/2016

MỤC LỤC

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ	1
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp	8
3. Rủi ro đặc thù ngành nghề hoạt động	8
4. Rủi ro của đợt chào bán	9
5. Rủi ro khác	9
III. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	10
1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa	10
2. Tổ chức sở hữu chứng khoán chào bán	10
3. Tổ chức tư vấn bán đầu giá	10
IV. CÁC KHÁI NIỆM	11
V. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	12
1. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp cổ phần hóa	12
2. Quá trình hình thành và phát triển	12
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty	13
4. Danh sách công ty mẹ, công ty con	13
5. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa:	13
6. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	19
7. Tình hình nhân sự công ty	20
VI. THÔNG TIN VỀ CÔNG TÁC CỔ PHẦN HÓA TẠI DOANH NGHIỆP	21
VII. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	23
VIII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	31
IX. THAY LỜI KẾT	33

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm.....	5
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm	6

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

Tên Tổ chức phát hành	: CÔNG TY TNHH MTV 28.1 (CÔNG TY 28.1)
Vốn điều lệ	: 48.633.860.000 đồng (bốn mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi ngàn đồng)
Địa chỉ	: Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
Số lượng cổ phần bán đấu giá	: 976.285 cổ phần
Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu:	: 100 cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối đa:	: 976.285 cổ phần
Tổng số cổ phần tối đa phân phối cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức nước ngoài:	: 976.285 cổ phần
Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến:	

Danh mục	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
Cổ phần Nhà nước nắm giữ	3.161.201	31.612.010.000	65,00%
Cổ phần bán cho người lao động	695.900	6.959.000.000	14,30%
<i>Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo số năm công tác</i>	<i>695.900</i>	<i>6.959.000.000</i>	<i>14,30%</i>
<i>Cổ phần bán thêm cho người lao động theo số năm cam kết làm việc</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cổ phần bán cho tổ chức công đoàn	30.000	300.000.000	0,61%
Cổ phần bán đấu giá công khai	976.285	9.762.850.000	20,09%
Tổng cộng	4.863.386	48.633.860.000	100,00%

Đối tượng tham gia: Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên 28.1.

Đặt cọc: Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm bán đấu giá.

Thời gian và địa điểm nhận Bản Công bố thông tin: Từ ngày 13/06/2016 đến ngày 01/07/2016 tại các đại lý bán đấu giá theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên 28.1.

Thời gian đăng ký đấu giá tại các Đại lý: Từ ngày 13/06/2016 đến ngày 01/07/2016 theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên 28.1.

Thời gian nhận phiếu tham dự đấu giá: Từ ngày 13/06/2016 đến ngày 01/07/2016 theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên 28.1.

Thời gian và Địa điểm tổ chức đấu giá:

- Thời gian: 09:00 ngày 04/07/2016
- Địa điểm: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB – Chi nhánh Hồ Chí Minh, Lầu 5, số 259 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc không mua được cổ phần căn cứ theo kết quả đấu giá: Từ ngày 04/07/2016 đến ngày 07/07/2016 theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên 28.1.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật doanh nghiệp số 68/QH13/2014 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị định 102/2010/NĐ - CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ về Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp;

Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

Thông tư 56/2013/TT-BQP ngày 02/5/2013 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trong Quân đội thành công ty cổ phần;

Thông tư số 50/2012/TT- BQP ngày 20/06/2012 của Bộ Quốc Phòng hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHHMTV do Nhà nước làm chủ sở hữu trong quân đội;

Căn cứ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ - CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty Nhà nước;

Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Văn bản số 25/TTg-ĐMDN ngày 30/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Công văn số: 577/CKT-QLDN ngày 24/04/2015 của Cục Kinh tế - Bộ quốc phòng về Kế hoạch triển khai thực hiện đề án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc Bộ quốc phòng giai đoạn 2015-2016;

Căn cứ Quyết định số 2103/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngày 04/06/2015 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên 28.1 thuộc Tổng Công ty 28 - Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 2738/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngày 15/07/2015 về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên 28.1;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-BCĐ ngày 21 tháng 07 năm 2015 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên 28.1 về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV 28.1;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp số 114/XĐGTDN ngày 22 tháng 9 năm 2015 giữa Công ty TNHH MTV 28.1 và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC về việc Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 30/9/2015;

Căn cứ Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty 28.1 tại thời điểm 30/09/2014 được lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán AASC;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-BQP ngày 05/4/2016 của Bộ Quốc Phòng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty 28.1 để chuyển đổi thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 2101/QĐ-BQP ngày 30/05/2016 của Bộ Quốc Phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 28.1 thuộc Tổng Công ty 28 thành công ty cổ phần;

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

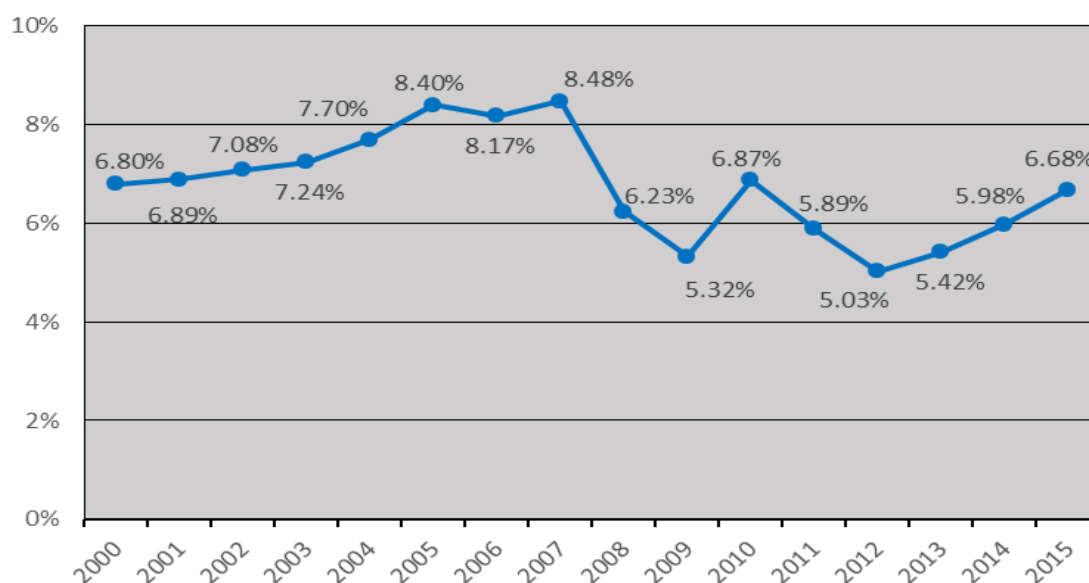
Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Từ năm 2000 đến 2007, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá đều đặn. Sang năm 2008, nền kinh tế toàn cầu bị suy thoái nặng nề, nền kinh tế Việt Nam cũng phải chịu những ảnh hưởng đáng kể. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 của Việt Nam chỉ đạt 6,23%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm



Nguồn: GSO, MBS tổng hợp

Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,23% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch. Tính chung cả giai đoạn 2009-2011, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 6,00%. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái, nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm mà kinh tế nước ta đạt được tốc độ tăng trưởng dương tương đối cao như trên là một thành công. Tuy nhiên, tình hình kinh tế đến nay vẫn còn không ít khó khăn, thách thức, bao gồm những hạn chế về cân đối vĩ mô chứa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn; chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức cao; nhập siêu lớn cùng với sự suy giảm của dòng vốn đầu tư nước ngoài và những ảnh hưởng đến cân thanh toán, dự trữ ngoại hối...

Đến năm 2012, trong khi nền kinh tế thế giới đang có nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu đặc biệt với những cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu, thì nền kinh tế Việt Nam cũng đã có những diễn biến phức tạp. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng GDP cả nước năm 2012 vẫn đạt con số 5,03%,

Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định nhờ lạm phát đang trên đà suy giảm, thâm hụt thương mại và ngân sách được kiểm chế và các chính sách quản lý tiền tệ tốt hơn.

Nhờ vậy tốc độ tăng trưởng GDP đã được cải thiện liên tục từ năm 2013 đến 2015, với tốc độ tăng trưởng năm 2015 đạt 6,68%, cao hơn mục tiêu đề ra là 6,2% và cao nhất trong vòng 5 năm qua. Mức tăng trưởng này cho thấy nền kinh tế đang có dấu hiệu phục hồi rõ nét. Nếu Việt Nam tiếp tục ổn định được kinh tế vĩ mô thì tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 có thể đạt 6,8-7%. Ngoài ra, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định thương mại tự do VN – EU, Cộng đồng kinh tế ASEAN, ... sẽ là những tín hiệu tốt để thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam.

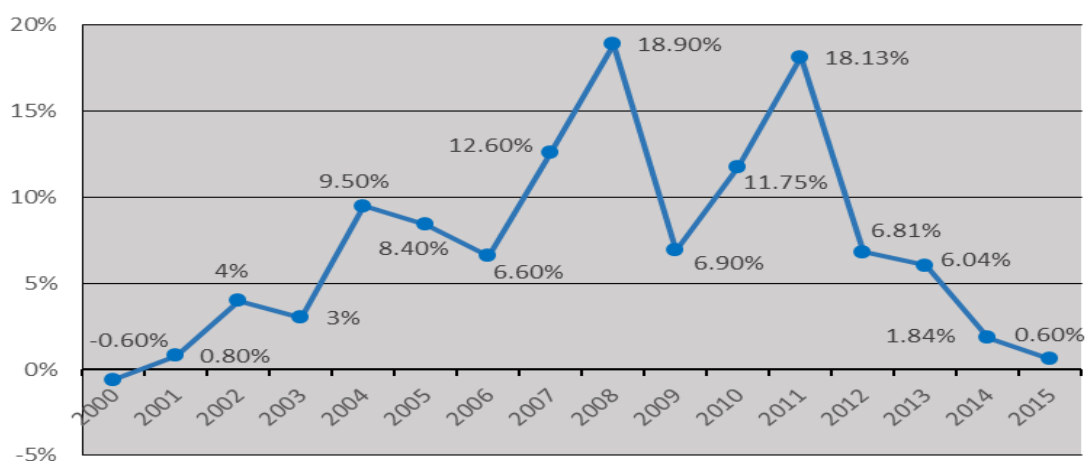
Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại nói riêng.

Nắm bắt được chủ trương chính sách của Chính phủ và xu thế hồi phục của nền kinh tế, ban lãnh đạo Công ty 28.1 đã đưa ra chiến lược kinh doanh cụ thể, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty 28.1 trong tương lai.

Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2000 - 2015 cụ thể như sau.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: GSO, MBS tổng hợp

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Thời kỳ 1996-2003 được coi là thiếu phát, khi CPI tăng rất thấp. Thời kỳ từ 2004 đến nay là thời kỳ lạm phát cao trở lại, gần như lặp đi lặp lại, cứ 2 năm tăng cao mới có 1 năm tăng thấp hơn. Năm 2004 tăng 9,5%, năm 2005 tăng 8,4%, thì năm 2006 tăng 6,6%. Năm 2007 tăng 12,63%, năm 2008 tăng 19,89%, thì năm 2009 tăng 6,52%. Năm 2010 tăng 11,75%, năm 2011 tăng 18,13%.

Đến năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,81%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011, hoàn thành chỉ tiêu dưới 10% của năm 2012 mà Chính phủ đã đặt ra từ đầu năm.

Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012. Lạm phát năm 2014 chỉ ở mức 1,84%, bằng 1/3 so với mức tăng năm 2013.

Đặc biệt ở năm 2015, tỷ lệ lạm phát chỉ tăng 0,60% (trong khi mức lạm phát mục tiêu là 5%), thấp nhất trong 14 năm trở lại đây. Theo Tổng cục Thống kê, mức lạm phát 2015 thấp như vậy nhờ nhiều yếu tố như giá nhiên liệu, dầu thô, lương thực, thực phẩm thấp và việc điều hành chính sách tiền tệ tương đối tốt, chặt chẽ.

Tuy vậy, qua năm 2016, lạm phát được dự báo có thể tăng trở lại do giá lương thực tăng, giá dầu thô không có dấu hiệu giảm tiếp nữa, các yếu tố khác như quỹ tín dụng, các điều chỉnh về giá hành chính cũng góp phần ảnh hưởng đến lạm phát năm 2016 và các năm tiếp theo. Dự kiến lạm phát các năm tiếp theo sẽ tăng nhưng ở mức độ vừa phải chứ không tăng đột biến như trong giai đoạn 2006-2012.

Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Kể từ ngày 28/10/2014, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành thông báo điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành của NHNN và lãi suất tiền gửi tối đa đối với các tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi VND không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng là 1%/năm. Lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi VND từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 6%/năm xuống còn 5,5%/năm; trừ Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô vẫn áp dụng mức lãi suất tối đa là 6,0%/năm. Lãi suất tái cấp vốn; lãi suất tái chiết khấu; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng lần lượt là 6,5%/năm; 4,5%/năm và 7,5%/năm. Bên cạnh đó, NHNN cũng điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao) từ 9%/năm xuống còn 8%/năm.

Theo dữ liệu từ NHNN cho biết: hiện mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn và 9-10%/năm cho trung và dài hạn. Ở các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường, lãi suất cho vay ngắn hạn ở mức 6,8-9%/năm và 9,3-11% đối với trung và dài hạn.

Lãi suất cho vay USD tương đối ổn định. Hiện lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 2,8-6,3%/năm. Trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn khoảng 2,8-5,2%/năm, lãi suất cho vay trung và dài hạn ở mức 5,3-6,2%/năm.

Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Năm 2014 có thể coi là năm thành công trong việc ổn định tỷ giá khi tỷ giá USD/VND chỉ tăng 1% trong cả năm, tỷ lệ USD hóa giảm 20% tạo điều kiện cho nhiều chính sách tiền tệ, tài chính được thực hiện thuận lợi hơn.

Tuy nhiên, tỷ giá lại có nhiều biến động lớn trong năm 2015. Trước bối cảnh đồng USD tăng giá và đồng Nhân dân tệ phá giá liên tục, Ngân hàng Nhà nước đã phải 3 lần phá giá đồng Việt Nam và 2 lần mở rộng biên độ giao dịch USD/VND. Với tỷ giá bán tại thời điểm ngày 24/12/2015 là 22.547 đồng/1 USD và biên độ giao dịch là +/-3%, đồng Việt Nam đã chính thức mất giá 5,34% so với thời điểm đầu năm và vượt 3,34% so với mục tiêu đề ra của NHNN.

Hoạt động kinh doanh của Công ty 28.1 có bao gồm sản xuất veston nam cao cấp xuất đi thị trường Tây Âu, Nhật và Mỹ, do đó những biến động về tỷ giá có thể gây ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận và khả năng cạnh tranh của Công ty 28.1.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty 28.1 sẽ không còn được chi phối theo Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp mà chỉ chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản liên quan. Ngoài ra, Công ty 28.1 sẽ còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán khi trở thành Công ty đại chúng và niêm yết. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro đặc thù ngành nghề hoạt động

Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào cho sản xuất

Trong những năm gần đây giá nguyên phụ liệu đầu vào có nhiều biến động theo chiều hướng tăng làm cho giá thành sản phẩm tăng theo, từ đó có nhiều khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất hàng FOB khi ký hợp đồng với các nước ngoài. Tính cạnh tranh về giá cả không cao so với các nước trong khu vực. Khách hàng sẽ có sự lựa chọn hoặc chuyển đơn hàng sản xuất tại các nước khác trong khu vực hoặc vào những doanh nghiệp có chi phí đầu tư thấp hơn thì giá cả cạnh tranh hơn những doanh nghiệp đầu tư lớn, khấu hao cao.

Rủi ro nguồn cung lao động

Đặc thù của mảng kinh doanh dệt may là cần nguồn lao động rất lớn, đặc biệt là ở mảng sản xuất và gia công quần áo. Tình trạng khan hiếm lao động, cũng như chất lượng lao động đang là nỗi lo cho các doanh nghiệp trong ngành Dệt may. Trong những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp dệt may Việt Nam luôn phải đối mặt với việc thiếu lao động. Đội ngũ lao động sau mỗi kỳ nghỉ lễ, đặc

biệt là tét âm lịch lại giảm mạnh. Tuy nhiên, đại bộ phận lao động tại Công ty 28.1 đều là những người làm việc lâu năm tại công ty nên rủi ro biến động lao động là thấp.

Rủi ro thay đổi công nghệ.

Với công nghệ sản xuất veston nam , để sản xuất được bộ veston nam cao cấp cần phải thường xuyên đầu tư MMTB chuyên dùng để thay đổi công nghệ để đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Tuy nhiên nếu thị trường có thay đổi về kiểu dáng , mẫu mã hoặc chủng loại sản phẩm tiêu thụ sẽ có khó khăn cho các nhà sản xuất đã đầu tư công nghệ hiện đại với chi phí đầu tư lớn. Việc thay đổi công nghệ để sản xuất mặt hàng khác sẽ rất khó khăn và tốn nhiều chi phí.

Rủi ro cạnh tranh

Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành nghề trong và ngoài nước tạo cơ hội cho khách hàng có nhiều cơ hội kiểm chế giá gia công cũng như giá trị hàng hóa thực hiện làm giảm doanh thu và lợi nhuận cho các doanh nghiệp ngành may

4. Rủi ro của đợt chào bán

Thị trường chứng khoán Việt Nam đầu năm 2016 đã ghi nhận một chiều hướng tăng điểm tích cực. Nguyên nhân chính bắt nguồn từ việc nền kinh tế đã có những tín hiệu tốt như tốc độ tăng trưởng GDP cao, lạm phát thấp, mặt bằng lãi suất ổn định, .. đã có ảnh hưởng tốt đến tâm lý của nhà đầu tư. Ngoài ra, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định thương mại tự do VN – EU, Cộng đồng kinh tế ASEAN, ... sẽ mở ra những cơ hội để thu hút các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Tuy nhiên xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường chưa được khẳng định chắc chắn trong khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp niêm yết nói riêng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, dòng tiền đầu tư cũng trở nên dè dặt hơn với thị trường chứng khoán .

Sự thành công của đợt chào bán cổ phần của Công ty 28.1 sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn của cổ phần Công ty 28.1.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 28.1.

III. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Thiếu tướng Trần Trung Tín	Cục trưởng cục Kinh tế, Trưởng ban
2	Thượng tá: Nguyễn Việt Anh	TP QL Doanh nghiệp/ Cục KT: Ủy viên thường trực
3	Đại tá: Phan Đăng Khai	TB QL Vốn, Cục TCDN/ Cục TC: Ủy viên
4	Đại tá: Triệu Thế Vinh	Trợ lý Phòng TH đảm bảo, VP BQP: Ủy viên
5	Đại tá: Vũ Đắc Cường	Trợ lý P.KH-TC/Cục Quân lực: Ủy viên
6	Đại tá: Trần Thế Huỳnh	Trợ lý P.KH/Cục Cán bộ: Ủy viên
7	Đại tá: Ngô Quang Phúc	TP Nghiên cứu TH/Cục Chính sách: Ủy viên
8	Đại tá: Nguyễn Xuân Bình	TB Kinh tế/TCHC: Ủy viên
9	Đại tá: Nguyễn Văn Hùng	Tổng GD Tổng Công ty 28: Ủy viên
10	Trung tá: Trần Doãn Thoan	Giám đốc Công ty TNHH MTV 28.1: Ủy viên

2. Tổ chức sở hữu chứng khoán chào bán**Công ty TNHH MTV 28.1**

Ông Trần Doãn Thoan – Chức vụ: Giám đốc

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu ghi trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế về tài sản, tình hình, báo cáo tài chính, triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV 28.1.

3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá**Công ty Cổ phần Chứng khoán MB**

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành Nam – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty TNHH MTV 28.1 do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“MBS”) tham gia xây dựng và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 09/2016/MBS/HCM1-HĐTĐ ký giữa Công ty TNHH MTV 28.1 và MBS. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV 28.1 cung cấp. Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo.

IV. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Bán đấu giá cổ phần	Là hình thức bán cổ phần của Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa công khai cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá, ở đây cụ thể là cổ phần của Công ty 28.1
Nhà đầu tư	Là tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011
Ban Chỉ đạo cổ phần hóa	Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty 28.1

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản Công bố thông tin có nội dung như sau:

CTCP	Công ty Cổ phần
BKS	Ban kiểm soát
BCKT	Báo cáo kiểm toán
BCTC	Báo cáo tài chính
CBTT	Công bố thông tin
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
UBND	Ủy ban Nhân dân
Công ty 28.1	Công ty TNHH MTV 28.1
MBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

V. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp cổ phần hóa

Tên tiếng Việt	: Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên 28.1
Tên Tiếng Anh	: 28.1 Company Limited
Tên viết tắt tiếng Anh	: Agtex 28.1 Co, Ltd
Địa chỉ	: Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84.8) 38940914
Fax	: (84.8) 38941668
Email	: agtex@agtex28-1.com
Website	: www.281.agtex.com.vn
Giấy CNDKKD	: Số: 0304484232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02 tháng 04 năm 2014.

Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304484232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02 tháng 04 năm 2014, ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH Một thành viên 28.1 bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan)	1410 (chính)
2	Buôn bán vải, hàng may sẵn. Chi tiết: mua hàng may mặc	4641
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán nguyên phụ liệu ngành may	4669

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV 28.1 là đơn vị thành viên của Tổng Công ty 28 – TCHC. Tiền thân là Cơ sở 1 – Xí nghiệp may X 28 – TCHC; được thành lập ngày 2/12/1991, có trụ sở tại số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Công ty chuyên sản xuất mặt hàng quân trang cho Quân đội theo chỉ tiêu của Công ty 28.1 28 và SXKD các mặt hàng may mặc cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Chuyên môn hóa sản xuất quân phục cán bộ đông cho các quân, binh chủng trong quân đội theo nhiệm vụ cấp trên giao và chuyên sản xuất veston nam cao cấp xuất đi thị trường Tây Âu, Nhật và Mỹ. Sản lượng sản xuất Bộ sản phẩm Veston nam cao cấp hiện nay của Công ty đạt trên 1 triệu sản phẩm veston/năm.

Trong thời gian từ năm 1991 đến nay, cùng với sự phát triển của mình và sự phát triển của Công ty 28.1, qua 25 năm Công ty đã 3 lần đổi tên là:

- Ngày 01 tháng 02 năm 1992 được đổi tên thành Xí nghiệp may 28.1
- Đến ngày 18 tháng 04 năm 1998 đổi tên thành Xí nghiệp 1 – Công ty 28.
- Ngày 30 tháng 06 năm 2006 Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng đã ra quyết định chuyển Xí nghiệp 1 thuộc Công ty 28 – Tổng cục Hậu cần thành Công ty TNHH một thành viên 28.1.

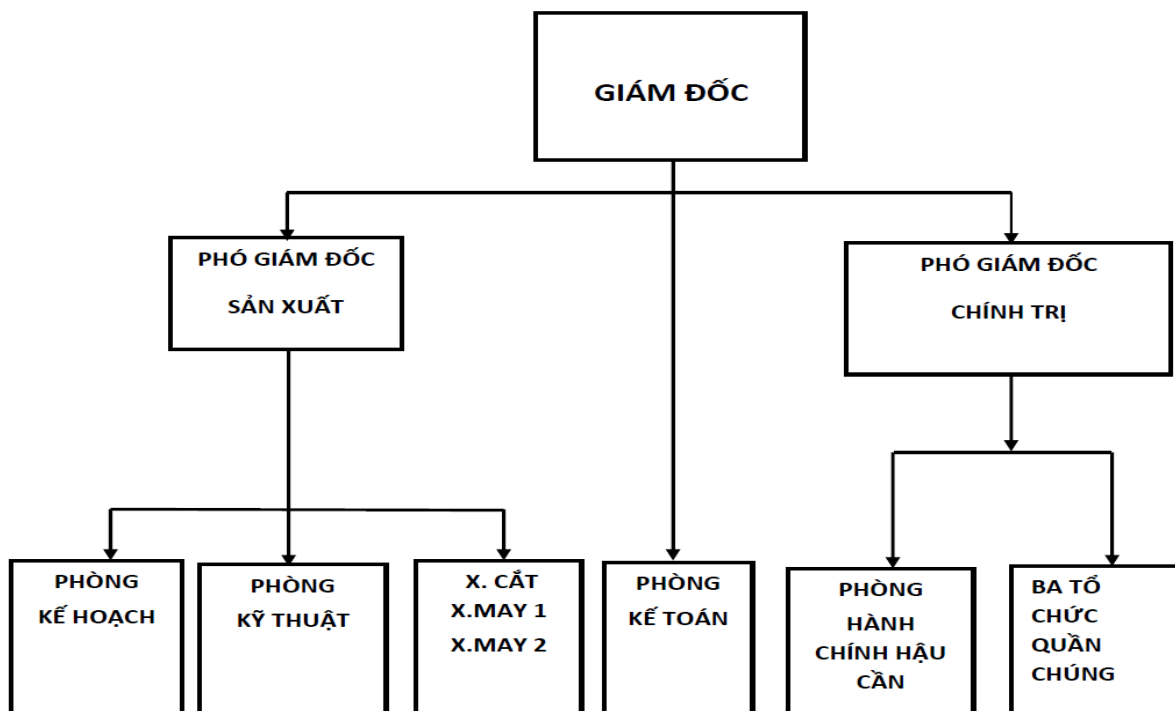
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty hiện tại gồm có 3 Xưởng sản xuất và 4 Phòng nghiệp vụ. Tổng quân số CB-CNLD tính đến 30/9/2015 là 840 người

Cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty TNHH MTV 28.1 hiện nay bao gồm:

- 01 Giám Đốc Công ty
- 02 Phó Giám đốc
- Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính
- Các phòng (ban), Xưởng sản xuất

Mô hình tổ chức của Công ty như sau:



4. Danh sách công ty mẹ, công ty con

Công ty mẹ:

Chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV 28.1 là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28, nắm giữ 100% vốn điều lệ

5. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa:

5.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

5.1.1. Sản lượng sản phẩm/dịch vụ qua các năm

Về nguồn hàng khách hàng: Công ty 28.1 đã được tập đoàn Itochu Nhật Bản bao tiêu 100% năng lực cho sản xuất với ba thị trường chính là Nhật Bản, Mỹ và Châu Âu. Như vậy về nguồn hàng và khách hàng luôn đảm bảo tính ổn định cho sản xuất. Sản lượng hàng hóa dịch vụ hàng năm đạt gần 1 triệu bộ veston nam/ năm.

5.1.2. Nguyên vật liệu

Quá trình sản xuất, Công ty đã tận dụng tối đa nguồn nguyên vật liệu trong nước, ngoài ra Công ty sử dụng Nguyên vật liệu nhập khẩu từ thị trường Châu Âu, Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc ... theo chỉ định của khách hàng.

5.1.3. Trình độ công nghệ

Khi xác định được mặt hàng chủ lực là bộ veston nam cao cấp việc đầu tư máy móc thiết bị hiện đại phục vụ cho sản xuất nâng cao trình độ công nghệ sản xuất bộ veston nam cao cấp là lợi thế của Công ty vì công suất của máy móc thiết bị được sử dụng triệt để trong sản xuất. Hiện nay, công nghệ sản xuất veston nam cao cấp của Công ty đạt trình độ hàng đầu trong các Doanh nghiệp sản xuất veston nam của Việt Nam và các nước trong khu vực Châu Á.

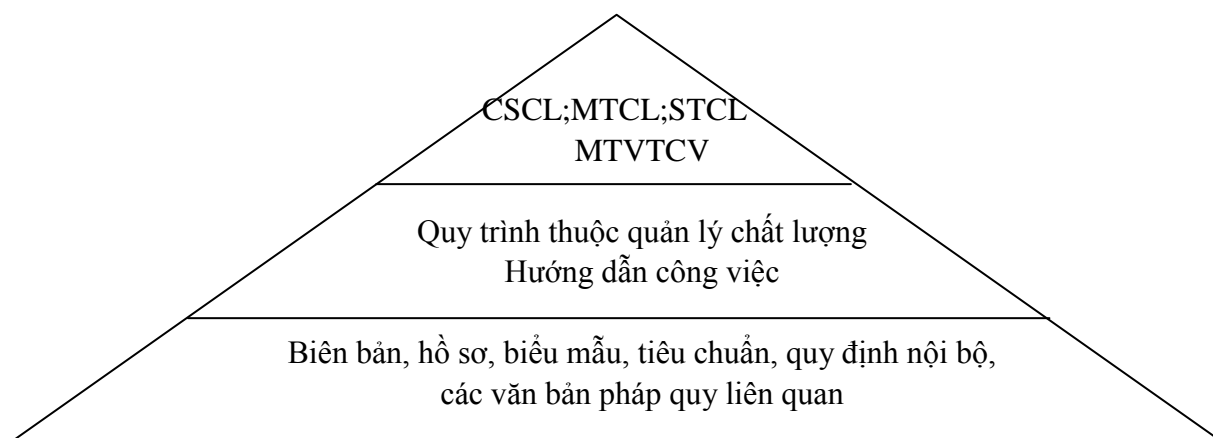
5.1.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Chuyên môn hóa về Công nghệ: Từ chuyên môn hóa chỉ sản xuất một mặt hàng bộ veston nam cao cấp nên Công ty 28.1 đã thực hiện được chuyên môn hóa về công nghệ sản xuất. Hiện nay Công ty đã xây dựng được một qui trình công nghệ sản xuất 3 trong 1. Đó là qui trình công nghệ được đúc kết từ những tinh hoa tiên tiến của 3 loại hình công nghệ Nhật, Mỹ, Châu Âu thành công nghệ riêng biệt của Công ty 28-1, một công nghệ độc nhất mà chỉ có riêng ở 28-1. Qui trình công nghệ này được khách hàng đánh giá rất cao vì nó đã thỏa mãn được yêu cầu về phom dáng đẹp theo phong cách Nhật Bản, đảm bảo sự tinh tế mềm mại uyển chuyển của phong cách Châu Âu, đảm bảo sự chỉnh chu trang nhã của phong cách Mỹ.

5.1.5. Hệ thống quản lý chất lượng

Công ty áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 trong các lĩnh vực quản lý, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác quản trị doanh nghiệp. Hệ thống này được khái quát như sau:

Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty 28.1



Nhận thức rõ về tầm quan trọng chất lượng sản phẩm, nâng cao để tạo thế cạnh tranh, Công ty đã thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý nhằm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 với mục tiêu phát triển bền vững.

Hiện tại Công ty đã triển khai hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean system).

5.1.6.. Hoạt động đầu tư phát triển

Trong 5 năm qua, đặc biệt từ năm 2013 đến 2015, việc áp dụng KHCN mà đặc biệt là đầu tư đổi mới MMTB công nghệ phục vụ sản xuất đã đóng vai trò quan trọng, là động lực thúc đẩy toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty 28.1, góp phần quan trọng để Công ty 28-1 luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SX hàng Quốc phòng cũng như các chỉ tiêu SXKD. Thu nhập bình quân và chất lượng sản phẩm năm sau đều cao hơn năm trước

5.1.7. Hoạt động Marketing

Về khả năng cạnh tranh: Việc chọn mặt hàng bộ veston nam cao cấp làm mặt hàng chủ lực cho sản xuất cũng là lợi thế của Công ty trong cạnh tranh ở giai đoạn hiện nay của Công ty vì mặt hàng Veston nam là mặt hàng đòi hỏi phải có đầu tư lớn, phải có công nghệ hiện đại mới sản xuất được hàng veston nam cao cấp.

5.1.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Về hàng xuất khẩu theo nhãn hiệu đặt hàng của khách hàng nước s ngoài . Hàng trong nước thực hiện theo nhãn hiệu Belluni của Tổng Công ty 28.

Cùng với việc khẳng định, nâng cao hơn nữa uy tín, thương hiệu Công ty 28.1 trong lĩnh vực may mặc, những năm qua, Công ty đã mạnh dạn chuyển hướng sang làm 100% Veaton nam cao cấp với tỷ lệ FOB 100%. Sự chuyển hướng hợp lý này không chỉ đem đến hiệu quả sản xuất kinh doanh ổn định, nâng cao thu nhập cho người lao động mà thương hiệu Công ty 28.1 cũng được khẳng định và nâng tầm.

Tiếp nối truyền thống “chim đầu đàn” trong lĩnh vực may , thời gian qua, Công ty 28.1 vẫn xác định sản xuất Veston nam cao cấp là mặt hàng chính . Công ty đã xác định được s ản phẩm chủ lực và thị trường mục tiêu . Do đó Công ty đã chú trọng công tác đầu tư chiều sâu , nghiên cứu qui trình công nghệ, đổi mới thiết bị , công nghệ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong công tác quản lý , sản xuất. Công ty đã vận dụng thành công sự kết hợp công nghệ hiện đại , tiên tiến của các nước Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu. MMTB được Công ty đầu tư của các nước tiên tiến như Nhật bản, Italia, Đức và TQ, đưa vào bổ sung, thay thế các thiết bị lạc hậu. Những nỗ lực này thật sự phát huy hiệu quả, tạo ra thế và lực mới cho Công ty trong bối cảnh thị trường may mặc cạnh tranh khốc liệt.

5.1.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện

Bảng: Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện

Tên công ty	Địa bàn	Số hợp đồng	Ngày tháng	Nội dung HĐ	Giá trị
Itochu Prominent	USA	AGT 05/16/Ito	08/01/2016	Bán hàng TP	1.024.970 USD
Itochu Prominent	UK	AGT 11/16/Ito	15/02/2016	Bán hàng TP	1.042.556 USD
Itochu Prominent	UK	AGT 05/16/Ito	15/02/2016	Bán hàng TP	215.199 USD

Itochu Prominent	UK	AGT 05/16/Ito	26/01/2016	Bán hàng TP	370.873 USD
------------------	----	---------------	------------	-------------	-------------

Nguồn: Công ty 28.1

5.2. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty 28.1 trong 3 năm trước khi cổ phần hóa theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc cơ quan tài chính của Bộ Quốc phòng phê duyệt quyết toán như sau:

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chính

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng doanh thu	294.759.078.193	389.857.484.131	434.955.858.818
2	Vốn kinh doanh	33.335.082.955	43.335.082.955	40.000.000.000
3	Vốn Nhà nước	33.335.082.955	43.335.082.955	40.000.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế	6.024.783.886	7.998.274.503	9.650.758.223
5	Lợi nhuận sau thuế	4.164.700.994	6.212.955.169	7.527.591.414
6	Số lao động	800	824	844
7	Thu nhập bình quân người/tháng	6.905.338	7.388.593	8.403.262
8	Các khoản nộp ngân sách	10.153.750.842	10.536.408.753	11.229.757.387
	Trong đó:			
A	- Thuế giá trị gia tăng	277.398.434	157.797.620	163.406.628
B	- Thuế thu nhập đặc biệt			
C	- Thuế xuất nhập khẩu	43.557.064	56.905.610	169.065.798
D	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.860.082.892	1.785.319.334	2.123.166.809
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh	12,49%	14,34%	18,82%
10	Nợ phải trả	92.658.224.572	86.364.654.127	89.454.104.772
	Trong đó:			
	- Nợ ngân sách	1.375.550.455	586.880.236	795.535.912
	- Nợ ngân hàng	17.222.739.440	16.184.621.520	21.913.849.560
11	Nợ phải thu	7.792.218.496	12.548.937.377	5.883.065.018

Nguồn: BCTC Công ty 28.1

5.2.1. Phân tích doanh thu

Trong các năm vừa qua, Công ty 28.1 đã không ngừng phát triển, mở rộng sản xuất, luôn chú trọng công tác quản lý, tăng năng suất. Với uy tín và thương hiệu ngày càng lớn mạnh, Công ty 28.1 đã ký thỏa thuận bao tiêu với khách hàng UK và IPU đến hết năm 2017.

Doanh thu của Công ty có sự tăng trưởng tốt qua các năm. Năm 2014, doanh thu tăng 32,2% so với năm 2013. Đến năm 2015, doanh thu cũng tăng trưởng 11,5% so với năm trước. Bình quân trong 3 năm trước cổ phần hóa, Công ty có mức tăng trưởng bình quân doanh thu ở mức 15,8%.

5.2.2. Phân tích chi phí

Bảng: Cơ cấu chi phí của Công ty 28.1 năm 2013, năm 2014 và năm 2015

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Tỷ trọng	Năm 2014	Tỷ trọng	Năm 2015	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	273.233.172.948	95,86	358.707.344.720	93,95	385.627.253.416	90,74
Chi phí tài chính	1.337.771.463	0,46	1.961.283.574	0,51	3.622.018.732	0,85
Chi phí bán hàng	4.522.191.936	1,57	5.150.334.470	1,35	6.130.559.541	1,44
Chi phí quản lý DN	8.920.030.932	3,10	16.006.898.021	4,19	29.618.864.815	6,97
Tổng cộng	288.013.167.278	100	381.825.860.785	100	424.998.696.504	100

Nguồn: BCTC Công ty 28.1

5.2.3. Phân tích lợi nhuận

Bảng: Cơ cấu lợi nhuận của Công ty 28.1

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Lợi nhuận gộp	17.207.930.576	29.198.286.385	46.376.788.219
Lợi nhuận thuần	2.894.503.824	7.470.727.278	9.885.255.500
Lợi nhuận trước thuế	6.024.783.886	7.998.274.503	9.650.758.223
Lợi nhuận sau thuế	4.164.700.994	6.212.955.169	7.527.591.414

Nguồn: BCTC Công ty 28.1

5.2.4. Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp

Bảng 16: Một số chỉ tiêu tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)	6.531.164.088	8.882.636.904	10.571.549.364
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay/Dthu thuần	2,25%	2,29%	2,45%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.894.503.824	7.470.727.278	9.885.255.500
Tỷ suất lợi nhuận thuần/Doanh thu thuần	1,00%	1,92%	2,29%

Lợi nhuận sau thuế	4.164.700.994	6.212.955.169	7.527.591.414
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	12,49%	14,34%	18,82%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	3,25%	4,62%	5,81%

Nguồn: BCTC Công ty 28.1

5.2.5. Tình hình nợ vay

Bảng: Chi tiết các khoản nợ vay

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Vay ngắn hạn	30.916.779.440	20.338.161.520	25.138.849.560
Vay ngân hàng	17.222.739.440	16.184.621.520	21.913.849.560
Vay tổ chức khác	13.694.040.000	4.153.540.000	3.225.000.000
Vay dài hạn	1.200.000.000	3.600.000.000	2.000.000.000
Vay ngân hàng			
Vay tổ chức khác	1.200.000.000	3.600.000.000	2.000.000.000

Nguồn: BCTC Công ty 28.1

5.2.6. Cơ cấu vốn, tài sản và biến động của vốn chủ sở hữu

Bảng: Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Tỷ trọng	Năm 2014	Tỷ trọng	Năm 2015	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	101.713.386.471	79,36	100.249.288.063	74,45	98.755.220.028	76,29
Tài sản dài hạn	26.453.014.786	20,64	34.409.020.347	25,55	30.698.884.744	23,71
Tổng tài sản	128.166.401.257	100	134.658.308.410	100	129.454.104.772	100
Nợ ngắn hạn	93.631.318.302	73,05	87.668.225.455	65,11	87.449.104.772	67,55
Nợ dài hạn	1.200.000.000	0,94	3.655.000.000	2,71	2.005.000.000	1,55
Vốn chủ sở hữu	33.335.082.955	26,01	43.335.082.955	32,18	40.000.000.000	30,90
Tổng nguồn vốn	128.166.401.257	100	134.658.308.410	100	129.454.104.772	100

Nguồn: BCTC Công ty 28.1

5.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 28.1 trong năm

a. Thuận lợi

- Quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD luôn được sự quan tâm chỉ đạo , hỗ trợ giúp đỡ của Đảng ủy, Chỉ huy Tổng Công ty 28, các phòng chức năng hỗ trợ giúp đỡ Công ty, tạo điều kiện cho Công ty có nguồn vốn đầu tư bổ sung.
- Bộ máy lãnh đạo của Công ty từng bước ổn định, cán bộ và người lao động nêu cao tinh thần đoàn kết phát huy được được truyền thống tốt đẹp “anh bộ đội cụ hồ”, lực lượng vũ trang nhân dân.
- Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động được đầy đủ, đặc biệt là việc chuyển chế độ đối chế độ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, nâng lương, nâng bậc... nên từ đó người lao động yên tâm công tác.
- Sự phối hợp chặt chẽ trong công việc giữa các bộ phận trong toàn Công ty;
- Xây dựng và thực hiện ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của CBCNV trong công việc và nhiệm vụ được giao, đạt hiệu quả công việc cao hơn so với các năm trước đây.

b. Khó khăn

- Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành nghề.
- Biến động của thị trường lao động khu vực TP.Hồ Chí Minh.
- Lương tối thiểu vùng và chi phí đóng BHXH liên tục tăng qua các năm.
- Giá cả các mặt hàng thiết yếu tăng, làm cho giá đầu vào NPL tăng.

6. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành**6.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Công ty có thế mạnh truyền thống trong lĩnh vực may mặc quân trang Quốc phòng và may hàng xuất khẩu. Với thiết bị công nghệ hiện đại được nhập từ các nước tiên tiến trên thế giới như Nhật, Đức, Italia và Trung quốc. Thương hiệu Công ty 28.1 đã có uy tín cao trong lĩnh vực may mặc ở Việt nam và quốc tế, đã được các khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao.

Tính đến thời điểm hiện nay Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ năng lực, trong đó có 26 CB-CNV tốt nghiệp đại học, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật lành nghề được đào tạo chính qui, tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức sản xuất.

Trải qua hơn 24 năm xây dựng và trưởng thành, ngày nay Công ty 28.1 là một một trong những doanh nghiệp may mặc hàng đầu của Quân đội.

Chuyên nghiệp và năng động, Công ty 28.1 đã khẳng định được thế mạnh của một đơn vị hàng đầu trong ngành công nghiệp may Veston nam cao cấp, được sự tin nhiệm của các khách hàng Châu Âu, Mỹ, Nhật,... và trở thành đối tác tin cậy đối với nhiều khách hàng nước ngoài đang tìm cơ hội để đầu tư vào Việt Nam.

Công ty đã được Tổng cục Hậu cần tặng thưởng đơn vị quyết thắng năm 2014 và cờ thi đua năm 2015.

6.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong các năm vừa qua mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Suy thoái kinh tế thế giới do khủng hoảng nợ công ở Châu Âu, suy thoái kinh tế của Nhật bản có diễn biến phức tạp, khó lường. Ở trong nước, lạm phát cao, giá cả nguyên vật liệu tăng cao, thị trường chứng khoán sụt giảm, lãi suất cao, ... đã tác động tiêu cực đến hoạt động của ngành may mặc. Nhưng nhu cầu về

hàng may mặc, đặc biệt là những sản phẩm cao cấp hàng năm vẫn tăng cao. Kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc hàng năm tăng bình quân 15-20%. Đó là những lợi thế của Công ty trong SX -KD ngành hàng truyền thống.

7. Tình hình nhân sự công ty

7.1. Cơ cấu nhân sự công ty

Tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2015 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp), tổng số cán bộ công nhân viên, người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là **784** người, cơ cấu như sau:

TT	Trình độ	Số lượng (người)
1	Trên đại học	0
2	Đại học	26
3	Cao đẳng	18
4	Trung cấp	14
5	Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	726
	Tổng cộng	784

7.2. Chính sách đối với người lao động

Các chính sách về lao động của Công ty trong giai đoạn 2016 – 2018 có những điểm chính sau:

- Việc trả lương thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty theo đơn giá, mức độ hoàn thành công việc.
- Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách Nhà nước.
- Về tiền thưởng: theo quy chế của Công ty.
- Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban giám đốc theo đúng quy định hiện hành.
- Căn cứ vào các Quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ công nhân viên và người lao động.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động và các chính sách của Công ty.

VI. THÔNG TIN VỀ CÔNG TÁC CỔ PHẦN HÓA TẠI DOANH NGHIỆP

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV 28.1 gồm:

Chuyển hình thức từ DNNN thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần.

Huy động vốn nhân rộng của cán bộ công nhân viên trong đơn vị, các cá nhân, tổ chức kinh tế để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai với phương châm: “Duy trì các mặt hoạt động truyền thống, Phát triển bền vững, tăng thu nhập”.

Tạo ra cơ chế quản lý mới, hiệu quả và năng động, đáp ứng kịp nhu cầu của thị trường; nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty 28.1 trên thị trường trong bối cảnh hội nhập.

Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

2. Yêu cầu cổ phần hóa

Đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty 28.1 sau cổ phần hoá;

Đảm bảo ổn định, không gây ra biến động lớn trong hoạt động SXKD;

Đảm bảo sự hài hoà lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, các cổ đông và người lao động;

Thực hiện công khai minh bạch nguyên tắc thị trường.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty 28.1, Công ty lựa chọn hình thức “*Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp*” theo Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

4. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

- Theo Quyết định số 1289/QĐ – BQP ngày 05 tháng 04 năm 2016 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt giá trị thực tế của Công ty TNHH một thành viên 28.1 để cổ phần hóa (thời điểm 0 giờ ngày 01/10/2015) như sau:

- Tổng giá trị thực tế tại doanh nghiệp: 126.606.067.600 đồng

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu tỷ, sáu trăm linh sáu triệu, không trăm sáu bảy ngàn, sáu trăm đồng).

- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 48.633.868.688 đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ, sáu trăm ba ba triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng).

- Giá trị quyền sử dụng đất: Công ty sử dụng đất của Bộ Quốc phòng nên không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp (theo khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2013/TT-BQP ngày 02/05/2013 của Bộ Quốc Phòng).

- Giá trị Tài sản cố định h chờ thanh lý không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị sổ sách) là: 0 đồng.

- Giá trị khoản công nợ không có khả năng thu hồi không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị sổ sách): 0 đồng.

5. Đất đai

Công ty đang sử dụng đất của quốc phòng tại địa chỉ Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 16.169,3 m².

VII. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Tên tiếng Việt : **Công ty Cổ phần 28.1**
 Tên tiếng Anh : 28.1 Joint Stock Company
 Tên giao dịch viết tắt : **Agtex 28.1 JSC**
 Biểu tượng :



Địa chỉ : Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
 Điện thoại : (84.8) 38940914
 Fax : (84.8) 38941668
 Website : www.281.agtex.com.vn

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy phép kinh doanh Công ty đã đăng ký và đang hoạt động:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan)	1410(chính)
2	Buôn bán vải, hàng may sẵn. Chi tiết: mua bán hàng may mặc.	4641
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán nguyên phụ liệu ngành may	4669

3. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty 28.1 sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần sẽ được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 28.1 theo quy định của Luật doanh nghiệp và do Đại hội đồng cổ đông thông qua gồm có:

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty được Luật pháp quy định và Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có nhiệm vụ nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm vụ, kiểm tra giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kết toán,

báo cáo tài chính của Công ty, việc chấp hành Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của Luật doanh nghiệp.

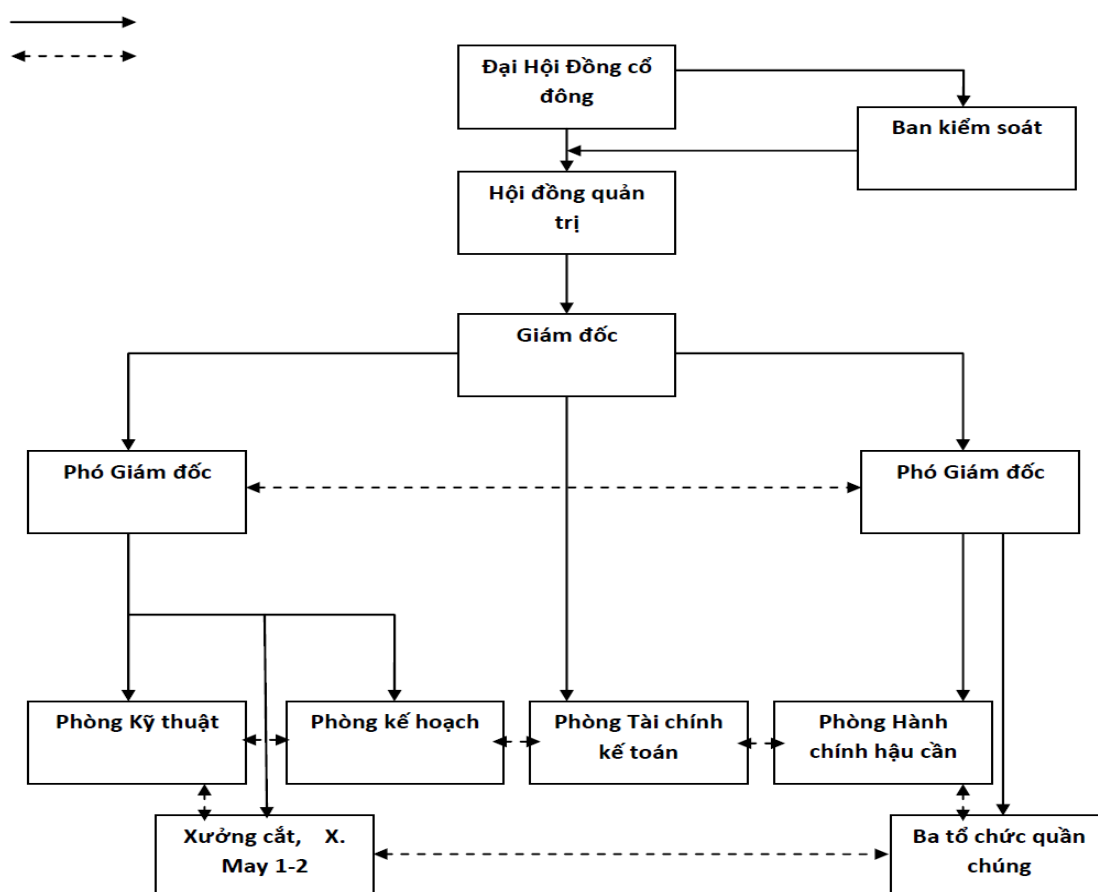
Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

Giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch, phù hợp với Điều lệ Công ty và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

Phó Giám đốc: Giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Các Phòng (ban) chuyên môn nghiệp vụ: có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, bao gồm Phòng HCHC, Phòng Kế hoạch, Phòng Kỹ thuật, Phòng Tài chính – Kế toán, Xưởng cắt, Xưởng may 1, Xưởng may 2.

Hình 1 : Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa



5. Chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

5.1. Định hướng phát triển

- Sau Cổ phần hóa tiếp tục xây dựng phát triển Công ty thành Công ty chuyên ngành , trở thành một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực may mặc của Bộ Quốc phòng .
- Về nguồn hàng trên cơ sở đã quy hoạch lại nguồn hàng chuyển sang sản xuất 100% năng lực là hàng bộ veston nam cao cấp. Trong giai đoạn 2016-2020 vẫn tiếp tục chọn mặt hàng là bộ veston nam cao cấp.
- Về Qui mô sản xuất phấn đấu tăng 15-20% so với quân số hiện tại khoảng 950-1000 lao động.
- Triển khai quyết liệt và thực hiện có hiệu quả mô hình sản xuất tinh gọn.
- Rà soát bộ máy quản lý, sắp xếp bố trí lại đảm bảo nguồn nhân lực của bộ máy quản lý tinh gọn nhưng hiệu quả. Phân công nhiệm vụ tránh chồng chéo , nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân trong việc tăng năng suất lao động.
- Duy trì hệ thống ISO và hệ thống Trách nhiệm xã hội thực chất có hiệu quả.
- Phát huy huy cao độ nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty ở trong nước và nước ngoài.
- Thực hiện cổ phần hóa đúng tiến độ , duy trì công ty phát triển ổn định và phát triển tốt hơn sau khi cổ phần hóa.

5.2. Chiến lược phát triển

❖ Về thị trường

- Xây dựng Thương hiệu Công ty Cổ phần 28.1 là một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực may mặc, có khả năng cạnh tranh với thị trường trong và ngoài nước và tự chủ làm hàng FOB trực tiếp với nước ngoài (cấp 2) không qua VP đại diện của khách hàng , tự thiết kế , sản xuất theo hình thức ODM.
- Tập trung hàng xuất khẩu đi các nước Châu Âu, Mỹ và Nhật bản, phát triển thêm thị trường trong nước và từng bước mở rộng sang thị trường của nước khác trong khu vực.
- Đầu tư và hợp tác đầu tư liên doanh, liên kết với các Đơn vị cùng ngành nghề để tận dụng năng lực, mở rộng sản xuất. Phát triển thêm các phương thức kinh doanh hàng nội địa, ngành nghề khác khi có điều kiện. Chủ động làm hàng FOB trực tiếp để có điều kiện lựa chọn NCC NPL với giá cả hợp lý tăng phần lãi thương mại, tăng lợi nhuận cho Công ty.

❖ Về tổ chức và phát triển doanh nghiệp:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức Công ty, hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần có tính chuyên môn hóa cao trong lĩnh vực may mặc truyền thống với trình độ quản lý tiên tiến, hiện đại so với các nước trong khu vực. Xây dựng và phát triển Công ty với mức tăng trưởng ổn định, bền vững và có tính cạnh tranh cao.

❖ Về đầu tư

- Tiếp tục đầu tư MMTB chuyên dùng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo hướng hiện đại, công nghệ mới và tiên tiến đáp ứng yêu cầu SXKD phát triển với tốc độ cao, đảm bảo tất cả sản phẩm đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật và đáp ứng được tiến độ giao hàng.
- Đầu tư và phát triển lĩnh vực sản xuất kinh doanh: mở rộng sản xuất, cải tạo văn phòng, nhà kho, xưởng cắt ...
- Đầu tư và hợp tác đầu tư tài chính dưới hình thức đầu tư trực tiếp: tài chính – tín dụng, ngân hàng ...

❖ Về xây dựng và phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo và đào tạo lại phát triển nguồn lực con người của Công ty mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, phù hợp với cơ chế quản lý tiên tiến.

❖ **Về phát triển nguồn lực tài chính**

Xây dựng và phát triển nguồn lực về tài chính đủ mạnh để đảm bảo vốn cho đầu tư và SXKD.

Khai thác triệt để mọi tiềm năng về vốn, để phát triển Công ty, nâng cao tiềm lực và khả năng cạnh tranh ở trong và ngoài nước.

❖ **Về ứng dụng tiến bộ về KHKT, công nghệ mới vào công tác quản lý điều hành, tổ chức sản xuất:**

Xây dựng, áp dụng các loại hình quản lý, điều hành phù hợp với trình độ của các nước trong khu vực.

6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hóa

Với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động, trả cổ tức từ 13 % trở lên; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

a) Các chỉ tiêu chính:

- Doanh thu tăng \geq 8-10 % so với năm trước.
- Thu nhập người lao động tăng từ 7 – 10 %, năm 2016 phấn đấu thu nhập từ 8 đến 9 triệu đồng/người/tháng.
- Trả cổ tức cho các cổ đông từ 13 - 15 % trở lên.
- Quan tâm đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị đổi mới công nghệ hàng năm.
- Các chỉ tiêu năng suất, chất lượng sản phẩm lên hàng đầu.
- Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ , đáp ứng 100% yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật và công nghệ.

Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, Công ty đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế trong ba năm tiếp theo như sau:

b) Các chỉ tiêu chủ yếu và phân phối lợi nhuận từ năm 2016-2018:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng doanh thu	480.000.000.000	528.356.321.000	571.400.460.000
2	Vốn kinh doanh	48.633.860.000	48.633.860.000	48.633.860.000
3	Vốn điều lệ	48.633.860.000	48.633.860.000	48.633.860.000
4	Lợi nhuận trước thuế	10.000.000.000	11.000.000.000	12.000.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế	8.000.000.000	8.800.000.000	9.600.000.000

6	Số lao động	840	860	880
7	Thu nhập bình quân người/ tháng	8.649.675	9.041.558	9.479.291
8	Các khoản nộp ngân sách			
	Trong đó:			
A	- Thuế giá trị gia tăng	34.000.000	36.000.000	38.000.000
B	- Thuế thu nhập đặc biệt			
C	- Thuế xuất nhập khẩu	34.000.000	36.000.000	38.000.000
D	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.000.000.000	2.200.000.000	2.400.000.000
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh	16,45%	18,09%	19,74%
10	Trích lập các quỹ	1.600.000.000	1.760.000.000	1.920.000.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	640.000.000	704.000.000	768.000.000
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	800.000.000	880.000.000	960.000.000
	- Quỹ thưởng BĐH	160.000.000	176.000.000	192.000.000
11	Cổ tức được chia	6.322.401.800	6.954.641.980	7.586.882.160
	Tỷ lệ cổ tức/Vốn cổ phần	13,00%	14,30%	15,60%

7. Giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh

Để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện sau:

a) Giải pháp về vốn:

Căn cứ vào kế hoạch SXKD của Công ty trên các lĩnh vực hoạt động để đưa ra các giải pháp về vốn như sau:

- Huy động vốn:

+ Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

+ Vay vốn của các Ngân hàng.

+ Vay vốn của các tổ chức và cá nhân với mức lãi suất phù hợp.

- Quản lý vốn:

+ Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có.

+ Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn.

+ Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đúng kỳ hạn thanh toán, hạn chế tối đa khách hàng chiếm dụng vốn để giảm bớt các nguồn vốn vay: Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản

nợ, nhất là các khoản nợ dây dưa kéo dài nếu có . Có chế tài thích hợp để bộ phận thu hồi công nợ hoạt động có hiệu quả.

b) Giải pháp về tổ chức sản xuất, kinh doanh:

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty cổ phần đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả; tính toán phương án sản xuất kinh doanh tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đảm bảo các sản phẩm đạt chất lượng, đảm bảo kế hoạch giao hàng đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân.

- Ban lãnh đạo Công ty: Thực hiện các biện pháp quản lý vĩ mô, xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ; Các phòng ban thực hiện các chức năng theo nhiệm vụ cụ thể đảm bảo cho bộ máy toàn Công ty hoạt động nhịp nhàng hiệu quả.

- Phát huy tính chủ động sáng tạo của Phòng ban, Phân xưởng trong điều hành sản xuất đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.

- Thường xuyên cập nhật, cải tiến qui trình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

- Hàng năm, Công ty có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CB-CNV, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên ngành có tay nghề.

- Phát động phong trào thi đua thường xuyên, hàng quý, hàng tháng ở các giai đoạn cần thiết, thi đua hoàn thành kế hoạch tháng quý, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của khách hàng.

- Mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thế mạnh của Công ty; Tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các chủ đầu tư với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất kinh doanh. Coi đây là yếu tố tạo ra nguồn lực có tính quyết định tới sự phát triển bền vững của Công ty.

c) Giải pháp về đầu tư tăng năng lực sản xuất

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh để đầu tư cho phù hợp với ngành nghề và yêu cầu phát triển của Công ty.

d) Giải pháp về doanh thu, chi phí:

- Mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thế mạnh của Công ty; Tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các đơn vị, các khách hàng với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi trong SXKD, đơn đốc thu hồi công nợ; tập trung nguồn lực đẩy mạnh công tác cải tiến nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Đảm bảo giao hàng theo đúng kế hoạch không để phát sinh chi phí do giao hàng trễ. Tổ chức phân tích hoạt động kinh tế định kỳ các mã hàng, khách hàng để có định hướng phát triển khách hàng có hiệu quả SXKD cao, những mã hàng đã hoàn thành giao hàng phải nhanh chóng quyết toán nội bộ đồng thời thu hồi công nợ kịp thời, không để phát sinh nợ khó đòi.

- Đầu tư thay thế máy móc trang thiết bị cũ và đổi mới máy móc thiết bị nhằm hiện đại hóa sản xuất, nâng cao năng suất lao động và giảm chi phí trực tiếp đến giá thành sản phẩm.

- Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật ở tất cả các khâu. Coi đây là biện pháp quan trọng nhất trong quản lý- Tiết kiệm trong quản lý sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện: Công tác chăm sóc bảo quản máy móc thiết bị, phương tiện được chú trọng thường xuyên, vận hành đúng quy trình kỹ thuật nhằm kéo dài tuổi thọ, giảm chi phí sửa chữa.

e) Giải pháp về tổ chức quản lý

- Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty trong những năm tiếp theo.

- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.

- Thực hiện quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty thông qua bộ máy điều hành tập trung và sử dụng có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý: GPS, Camera, ...

- Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, công nợ, quản lý vật tư thiết bị, kế toán

f) Giải pháp về lao động tiền lương:

Trước mắt, rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia SXKD; Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đang hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.

- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CB-CNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CB-CNV phát huy sáng tạo trong công việc. Thường xuyên, tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu tinh thần của CB-CNV trong Tổng Công ty, thực hiện đúng cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể.

Về chính sách lao động lâu dài:

+ Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể.

+ Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

+ Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ và gửi đi học các trường đào tạo nghề.

+ Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề.

Về chính sách tiền lương lâu dài:

+ Xây dựng thang bản lương của Công ty cổ phần theo đúng hướng dẫn của các cơ quan chuyên ngành

+ Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý.

+ Đối với lao động trực tiếp : Khoán tiền lương đơn giá theo từng công đoạn của sản phẩm đến từng tổ sản xuất và người lao động.

+ Đối với lao động gián tiếp : Trả lương phù hợp với hiệu quả công việc cụ thể của từng người theo chức danh do Công ty xây dựng.

+ Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

+ Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ tiền lương, tiền phép.

g) Giải pháp về tìm kiếm phát triển thị trường

Công tác tìm kiếm khách hàng, nguồn hàng, phát triển thị trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tích cực tìm kiếm phát triển thị trường trong và ngoài nước, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng Quản trị và Giám đốc;

- Tranh thủ ủng hộ của các cơ quan chức năng của các Bộ ngành trong và ngoài quân đội. Giữ vững các mối quan hệ truyền thống và phát triển mới các thị trường, thị phần trong nước và ngoài nước.

- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các Công ty ~~hạn~~ hạn dụng năng lực để tăng doanh thu lợi nhuận cho Công ty Xây dựng mối quan hệ tốt với các khách hàng ~~đổi~~ tránh rủi ro trong tìm kiếm cơ hội phát triển bền vững

h) Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể:

- Đảng ủy Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tăng cường giáo dục đội ngũ cán bộ CNV phát huy truyền thống đơn vị anh hùng lao động, phát triển và trưởng thành của Công ty để đưa Công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.

- Các Đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động sản xuất.

- Phát động các phong trào thi đua trong lao động sản xuất nhằm động viên các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...

i) Giải pháp tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí:

Tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đã đề ra:

- Tuyên truyền, giáo dục, học tập luật phòng chống tham nhũng, lãng phí theo đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, người lao động trong toàn Công ty.

- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng.

- Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

- Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương vv... và giám sát việc thực hiện các quy chế.

VIII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Vốn điều lệ

Công ty đề xuất quy mô vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu của Nhà nước và tỷ lệ chào bán cổ phần ra công chúng sau cổ phần hóa dự kiến như sau:

Vốn điều lệ: **48.633.860.000 đồng** (Bốn mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

Mệnh giá cổ phần : **10.000 đồng/cổ phần** (Mười nghìn đồng/cổ phần)

Số lượng cổ phần : **4.863.386 cổ phần** (Bốn triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi sáu cổ phần).

Cơ cấu vốn điều lệ:

Danh mục	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Cổ phần Nhà nước nắm giữ	3.161.201	65%
Cổ phần bán cho người lao động	696.900	14,3%
<i>Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo số năm công tác</i>	696.900	14,3%
<i>Cổ phần bán thêm cho người lao động theo số năm cam kết làm việc</i>	-	-
<i>Cổ phần bán thêm cho cán bộ có trình độ chuyên môn cao</i>	-	-
Cổ phần bán ra cho tổ chức công đoàn	30.000	0,61%
Cổ phần bán đấu giá công khai	976.285	20,09%
Tổng cộng	4.863.386	100%

2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

2.1. Phương thức bán cổ phần đối với người lao động

a. Chào bán cho người lao động đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi

Thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian (tính theo số năm đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị của doanh nghiệp. Thời gian này không bao gồm thời gian thực tế làm việc đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hoá trước đó; thời gian thực tế làm việc đã được tính hưởng chế độ hưu trí; thời gian thực tế làm việc đã được tính để nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để tính mua cổ phần với giá ưu đãi, bao gồm:

- Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước;

- Thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngân sách nhà nước (thời gian đào tạo, công tác...), hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (nghỉ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp);

- Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc trong thời gian này mà doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho số năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất”.

Tổng số cổ phần của người lao động của Công ty 28.1 được mua ưu đãi là: **696.900 cổ phần.**

b. Chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên có cam kết làm việc và cán bộ công nhân viên có trình độ cao

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp tại Công ty 28.1 nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao bao gồm từ cấp Phó phòng nghiệp vụ và tương đương của Công ty 28.1 trở lên (bao gồm cả Chủ tịch, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty 28.1, Kiểm soát viên không chuyên trách, Trợ lý Tổng Giám đốc) hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng các đơn vị phụ thuộc Công ty 28.1 được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp tại Công ty 28.1 nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động.

Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm nêu trên được xác định là giá đấu thành công thấp nhất sau khi đấu giá công khai.

Tổng số cổ phần chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên theo số năm cam kết làm việc và cán bộ công nhân viên trình độ cao của Công ty 28.1 là: **0 cổ phần.**

Tổng số cổ phần chào bán cho người lao động của Công ty 28.1 là **696.900 cổ phần.**

2.2. Phương thức bán cổ phần đối với nhà đầu tư tham gia đấu giá

- Phương thức bán cổ phần: Đấu giá công khai
- Địa điểm: Công ty cổ phần Chứng khoán MB – Chi nhánh Hồ Chí Minh
- Tổ chức tài chính trung gian tư vấn bán cổ phần: Công ty cổ phần Chứng khoán MB
- Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai: 976.285 cổ phần
- Giá bán khởi điểm dự kiến: 10.000 đồng/cổ phần

2.3. Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần

- Đối với nhà đầu tư mua thông qua đấu giá: theo Quy chế đấu giá do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ban hành.

- Đối với CBCNV: Sau khi tổ chức bán đấu giá ra bên ngoài và xác định giá đấu thành công.

IX. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp... cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, đảm bảo các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, tỷ lệ sở hữu, chào mua công khai phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2016

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV 28.1
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN
CÔNG TY TNHH MTV 28.1

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

LÊ THÀNH NAM